

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 30 tháng 9 năm 2019
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Cán bộ TAND huyện Thanh Ba.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99 /2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Kim D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu 17, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D, anh Đ đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị Kim D trình bày:**

Chị và anh Vi Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/11/2003 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn, anh chị làm ruộng tại xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Đ. Được hai tháng sau vợ chồng làm nhà ra ở riêng trên đất của bố mẹ anh Đ tại khu 17 xã Đ. Quá trình chung sống 10 năm đầu tuy có cãi nhau nhưng anh chị vẫn bảo ban nhau làm ăn. Sau 10 năm anh chị nảy sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh Đ vô trách nhiệm, không chăm sóc khi chị ốm đau. Từ năm 2014 vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ 08/4/2019 vợ chồng chị sống ly thân, anh Đ có khuyên chị về đoàn tụ vài lần, nhưng

chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Đ.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Vi Minh Đ, sinh ngày 15/01/2005 và Vi Minh T, sinh ngày 17/7/2011. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng chị, còn cháu T đang ở cùng anh Đ. Tại phiên tòa hôm nay, chị yêu cầu được nuôi cháu Đ, anh Đ nuôi cháu T và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị có 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên đất của bố mẹ anh Đ; 70.000.000 đồng tiết kiệm gửi tại phòng giao dịch K, Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Thanh Ba (Địa chỉ: Xã V, huyện T) năm 2018 đứng tên anh Đ và 02 chiếc xe máy gồm: 01 xe HONDA Wave màu đỏ đen biển kiểm soát 19B1-262.xx đứng tên Vi Thị Kim D hiện anh Đ đang quản lý sử dụng; 01 chiếc xe HONDA Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 19K1-131.xx đứng tên Vi Văn Đ hiện chị đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay chị tự ước giá trị mỗi xe máy là 10.000.000đ. Khi ly hôn đối với ngôi nhà chị không đề nghị giải quyết. Chị đề nghị chia đôi số tiền 70.000.000đ và mỗi người sở hữu 01 xe máy đang sử dụng.

Vợ chồng chị không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho gia đình, không có đất nông nghiệp chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Vi Văn Đ trình bày:**

Anh thừa nhận lời trình bày của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian ở riêng, thời gian ly thân là đúng. Theo anh tình cảm vợ chồng về cơ bản là hạnh phúc. Thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ xong anh chị tự hòa giải được. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách chi tiêu làm ăn sinh hoạt trong gia đình, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng theo anh chưa trầm trọng, anh mong muốn đoàn tụ để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Anh đã nhắn tin, nhờ người thân tác động để chị D quay về, nhưng do chị D quá cứng nhắc nên mới cố tình ly hôn anh.

Anh thừa nhận lời trình bày của chị D về con chung là đúng. Tại phiên tòa hôm nay anh xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng.

Anh thừa nhận lời trình bày của chị D về tài sản chung là đúng. Khi ly hôn chị D không đề nghị giải quyết ngôi nhà làm trên đất của bố mẹ anh, anh nhất trí. Đối với số tiền 70.000.000đ anh đã rút tại phòng giao dịch K - Ngân hàng nông nghiệp và PTNT chi nhánh Thanh Ba ngày 03/5/2019 hiện không còn nữa vì anh đã chi tiêu sinh hoạt của anh và cháu T, đã chữa bệnh cho cháu T khi chị D ly thân anh. Anh không xuất trình hóa đơn về việc chữa bệnh cho cháu T. Anh nhất trí giá trị mỗi xe máy là 10.000.000đ và đồng ý ai đang sử dụng xe nào được sở hữu xe đó.

Anh thừa nhận vợ chồng không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho gia đình, không có đất nông nghiệp chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 56 ngày 02/8/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh Phú Thọ II cho biết: Ngày 22/6/2018 anh Vi Văn Đ đã gửi tiết kiệm số tiền 70.000.000đ tại Phòng giao dịch K thuộc Agribank chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,6%/năm. Ngày 03/5/2019 anh Đ đã

đến Phòng giao dịch K thuộc Agribank chi nhánh huyện Thanh Ba Phú Thọ II rút trước hạn số tiền 70.000.000đ, lãi suất được hưởng là 120.800đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân theo quy định về tố tụng của thẩm phán, thư ký, HĐXX và của các đương sự đúng pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ điều 56, 59, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình: Xử cho chị Vi Thị Kim D được ly hôn anh Vi Văn Đ. Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Minh Đ, sinh ngày 15/01/2005 Giao cho anh Vi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Minh T, sinh ngày 17/7/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cho anh Đ sở hữu 01 xe máy HONDA Wave màu đỏ đen biển kiểm soát 19B1-262.xx đứng tên Vi Thị Kim D (hiện anh đang quản lý, sử dụng). Giao cho chị Vi Thị Kim D sở hữu 01 xe máy HONDA Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 19K1-131.xx đứng tên Vi Văn Đ (hiện chị đang quản lý, sử dụng). Anh Đ phải thanh toán cho chị D 35.000.000đ. Chị D phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm. Chị D và anh Đ phải chịu án phí chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị Vi Thị Kim D đã tiến hành báo gọi các bên đương sự đến trình bày lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại các buổi hòa giải do các bên đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Vi Thị Kim D và anh Vi Văn Đ là hôn nhân hợp pháp, được đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật. Theo chị D, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, sau đó anh chị xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được vì bất đồng quan điểm sống, không thống nhất về cách làm ăn. Vợ chồng thường cãi nhau và đã ly thân từ 08/4/2019. Theo anh Đ mâu thuẫn của vợ chồng là có nhưng không lớn chủ yếu do không thống nhất được cách làm ăn, bất đồng quan điểm sống. Anh thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2019, anh đã nhắn tin, nhờ gia đình khuyên chị D quay về nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay anh thừa nhận anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thế có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị D là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Chị D và anh Đ có 02 con chung là Vi Minh Đ, sinh ngày 15/01/2005 và Vi Minh T, sinh ngày 17/7/2011. Hiện nay, cháu Đ đang ở cùng chị D, còn cháu T đang ở cùng anh Đ. Tại phiên tòa chị D xin nuôi cháu Đ, anh Đ xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ cháu/tháng. Xét yêu cầu xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị D,

anh Đ là hoàn toàn chính đáng, đúng pháp luật. Chị D và anh Đ đủ điều kiện về sức khỏe, kinh tế để nuôi con. Từ khi anh chị ly thân, cháu Đ sống cùng chị D, còn cháu T sống cùng anh Đ. Nguyên vọng của hai con chung đều xin ở với chị D. Để tránh sáo trộn cuộc sống của các cháu, HĐXX chấp nhận đề nghị của chị D mỗi người nuôi một cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung:

Anh Đ và chị D đều thống nhất: Anh chị có tài sản chung là 01 ngôi nhà xây là trên đất của bố mẹ anh Đ ở khu 17 xã Đ, 02 chiếc xe máy và số tiền 70.000.000đ anh Đ đã rút tiết kiệm ngày 03/5/2019. Khi ly hôn hai bên thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết đối với ngôi nhà, đề nghị này của anh chị là chính đáng nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với 02 xe máy anh chị thống nhất giá trị 01 xe là 10.000.000đ, ai đang sử dụng xe nào thì sở hữu xe đó. HĐXX chấp nhận đề nghị này của chị D và anh Đ. Đối với số tiền 70.000.000đ anh Đ khai không còn do đã chữa bệnh cho cháu T và chi tiêu sinh hoạt của anh và cháu T khi chị D bỏ đi. Chị D đề nghị chia đôi số tiền này. Anh Đ không có căn cứ chứng minh đã chi tiêu hợp lý số tiền này. Vì thế HĐXX chấp nhận đề nghị của chị D, buộc anh Đ phải thanh toán lại cho chị D ½ tiền gốc và tiền lãi anh đã nhận khi rút tiết kiệm ngày 03/5/2019.

[5]. Về nợ chung, công sức đóng góp, ruộng đất nông nghiệp chung: Chị Vi Thị Kim D và anh Vi Văn Đ đều khẳng định không có nên HĐXX không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vi Thị Kim D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị D, anh Đ phải chịu án phí chia tài sản theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Vi Thị Kim D và anh Vi Văn Đ được ly hôn.

Về con chung: Xử: Giao cho chị Vi Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Minh Đ, sinh ngày 15/01/2005. Giao cho anh Vi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Minh T, sinh ngày 17/7/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

Xác nhận vợ chồng chị Vi Thị Kim D, anh Vi Văn Đ có tài sản chung là 01 nhà xây làm trên đất của bố mẹ anh Đ ở khu 17 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhưng không đề nghị giải quyết.

Xác nhận vợ chồng chị Vi Thị Kim D, anh Vi Văn Đ có tài sản chung là 02 xe máy (mỗi người đang quản lý 01 xe máy) trị giá một xe là 10.000.000đ và 70.120.800đ hiện anh Đ đang quản lý.

Xử: Giao cho chị Vi Thị Kim D sở hữu 01 chiếc xe HONDA Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 19K1-131.xx đứng tên Vi Văn Đ (hiện chị D đang quản lý sử dụng) trị giá 10.000.000đ .

Giao cho anh Vi Văn Đ sở hữu 01 chiếc xe máy HONDA Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 19B1-262.xx đứng tên Vi Thị Kim D trị giá 10.000.000đ và số tiền 70.120.800đ (hiện anh Đ đang quản lý sử dụng). Anh Vi Văn Đ có trách nhiệm thanh toán trên lịch tài sản cho chị D 35.060.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh Vi Văn Đ còn phải trả cho chị Vi Thị Kim D tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Xác nhận chị D và anh Đ đều thừa nhận không có.

Về án phí: Chị Vi Thị Kim D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 2.253.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Anh Vi Văn Đ phải chịu 2.253.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Xác nhận chị Vi Thị Kim D đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2016/0001668 ngày 30/5/2019.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh